

Thứ sáu, ngày 14 tháng 6 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/6/2019		•	
Tuần 17/6-21/6/2019		•	
Tháng 6/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, đà tăng ở phiên sáng bị thu hẹp trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+2.1 điểm); BID (+0.66 điểm); VPB (+0.29 điểm); GAS (+0.28 điểm); VNM (+0.26 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm SAB (-0.19 điểm); TPB (-0.12 điểm); MSN (-0.1 điểm); DHG (-0.1 điểm); VHM (-0.1 điểm)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2,296.3 tỷ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 6.05 điểm. Thị trường có 143 mã tăng và 132 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.53 điểm, đóng cửa tại 953.61 điểm. Tuy nhiên, HNX-Index giảm 0.03 điểm xuống 103.46 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 62.47 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã SBT (88.12 tỷ), VNM (30.57 tỷ) và CTG (26.95 tỷ). Cùng lúc đó, họ bán ròng 1.1 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index tăng nhẹ với lực mua tập trung vào các cổ phiếu bluechips như GAS, PLX, MSN, VNM và nhóm cổ phiếu ngân hàng như VCB, BID, CTG, TCB. Trong phiên chiều, đà tăng trong phiên sáng bị thu hẹp và đóng cửa ở mức 953.61 do MSN, FPT, MWG và PLX quay đầu giảm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường phục hồi nhẹ trong phiên cuối tuần. Tuy nhiên thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp do tâm lý nhà đầu tư tiếp tục chờ đợi những tín hiệu hỗ trợ thị trường trong nửa cuối tháng 6, đặc biệt là kỳ vọng của thị trường vào khả năng FED công bố kế hoạch hạ lãi suất, cuộc gặp mặt giữa 2 nhà lãnh đạo Trung-Mỹ bên lề hội nghị G20 về vấn đề thương mại cũng như cuộc họp về sản lượng khai thác dầu mỏ cho nửa cuối năm 2019 của OPEC và Nga đầu tháng 7.

Phân tích kỹ thuật:

TCH_Tăng giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

Câu chuyện cuối tuần:

PHONG CẢNH TUYỆT ĐẸP

(Vui lòng tải và xem trang 3)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

953.61

Giá trị: 2296.38 tỷ

3.53 (0.37%)

Khối ngoại (ròng): -62.47 tỷ

HNX-INDEX

103.46

Giá trị: 200.31 tỷ

-0.04 (-0.04%)

Khối ngoại (ròng): -1.1 tỷ

UPCOM-INDEX

55.04

Giá trị: 396.12 tỷ

0.07 (0.13%)

Khối ngoại (ròng): -13.58 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.1	-0.44%
Giá vàng	1,353	0.80%
Tỷ giá USD/VND	23,324	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,300	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,551	0.19%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	2.22%
LS TPCP 5 năm	3.8%	-0.65%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SCS	40.7	SBT	88.1
VCB	28.9	VNM	30.6
BID	17.3	CTG	27.0
BVH	17.1	VHM	16.4
FRT	9.3	VIC	15.7

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Câu chuyện cuối tuần

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

iBroker

Trang 7

iINVEST

Trang 8

Khuyến cáo sử dụng

Trang 9

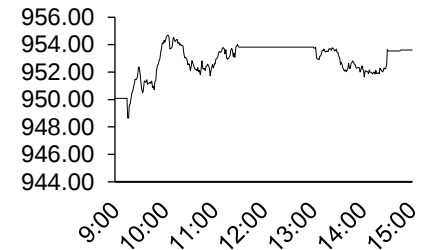
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VJC	2.6	121.7	114.00	123.91	NGƯNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
VIC	1.8	115.5	105.00	122.40	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	0.8	102.0	99.00	113.50	NGƯNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn
MWG	2.5	89.1	84.10	89.30	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
VHC	0.8	85.3	81.90	97.30	NGƯNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MSN	0.9	84.2	84.10	91.60	NGƯNG BÁN	Giảm giá kéo dài
ACV	1.2	83.0	80.50	83.90	MUA	Hồi phục trong ngắn hạn
BVH	1.5	80.0	75.00	84.73	MUA	Hồi phục trong ngắn hạn
VHM	1.7	79.9	78.90	88.10	NGƯNG MUA	Giảm giá kéo dài
PNJ	1.0	74.2	70.74	79.60	NGƯNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn

Đăng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

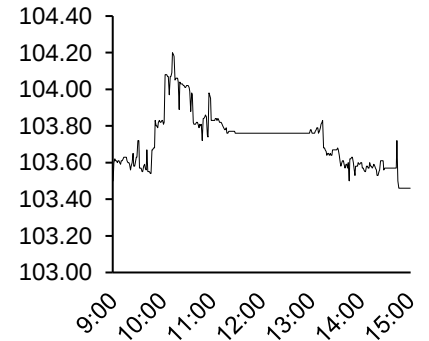
Phân tích kỹ thuật

TCH_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu và đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.
- Đường MA: 3 đường MA hội tụ về vùng giá 21-21.6.

Nhận định: Cổ phiếu TCH đã xác lập ngưỡng hỗ trợ khá vững tại ngưỡng giá 21. Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh trở lại và vượt xa khối lượng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy xu hướng tăng khá mạnh. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá sau khi hồi phục từ ngưỡng hỗ trợ. Dải mây Ichimoku nâng đỡ đường giá cũng cho thấy xu hướng tăng trong trung hạn khá mạnh. Vận động 3 đường quy tụ tại vùng giá 21-21.6 cho thấy cổ phiếu đã tích lũy tại ngưỡng hỗ trợ mạnh, nhưng đang dần hình thành xu hướng tăng giá khi thanh khoản và bước giá đều có xu hướng tăng. Như vậy, TCH nhiều khả năng sẽ tăng trở về ngưỡng hỗ trợ 24.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1906	858.9	-0.7%	-26.2%
VN30F1907	864.4	0.0%	4.4%
VN30F1909	866.9	0.0%	-37.3%
VN30F1912	866.1	-0.2%	-66.5%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	19	2.2	1.0
VCB	69	2.8	0.8
VNM	124	0.4	0.3
NVL	59	0.7	0.2
MBB	21	0.5	0.2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	84	0	-0.2
PNJ	74	-1	-0.1
MWG	89	0	-0.1
DHG	107	-2	-0.1
CTD	102	-2	-0.1



PHONG CẢNH TUYỆT ĐẸP

Nguồn: Suu tầm

Ở một điểm tham quan trên núi, hướng dẫn viên nói với khách du lịch:

- Thưa quý vị, sườn núi ở đây rất dốc, dưới kia là vực sâu, nhưng nếu có vị nào chẳng may trượt chân thì trong lúc trôi xuống xin đừng quên nhìn sang phía bên phải kia, phong cảnh ở đó tuyệt đẹp.

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	89.1	-0.3%	0.8	1,715	2.5	7,159	12.4	3.9	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	74.2	-0.7%	1.0	718	1.0	4,802	15.5	4.1	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	80.0	0.0%	1.3	2,438	1.5	1,622	49.3	3.7	25.3%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	36.0	0.0%	0.7	362	0.1	2,459	14.6	1.2	51.2%	8.1%
VIC	Bất động sản	115.5	0.0%	1.1	16,802	1.8	1,303	88.6	6.5	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	34.9	0.6%	1.1	3,534	0.9	1,033	33.8	2.9	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.4	0.7%	0.8	2,403	1.4	3,686	16.1	2.8	7.0%	20.8%
REE	Bất động sản	31.9	-0.6%	1.1	429	0.4	5,659	5.6	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.3	-0.5%	1.5	278	0.3	3,364	5.4	1.2	47.4%	25.1%
SSI	Chứng khoán	24.8	0.0%	1.3	549	0.4	2,169	11.4	1.4	58.6%	11.9%
VCI	Chứng khoán	32.6	0.0%	1.0	231	0.1	5,067	6.4	1.5	37.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.1	-0.6%	1.5	307	0.2	2,009	11.5	1.0	56.1%	14.1%
FPT	Công nghệ	44.4	-0.3%	0.9	1,309	1.1	4,061	10.9	2.3	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	42.0	-2.3%	0.4	454	0.0	3,778	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.0	0.5%	1.5	8,488	0.8	6,092	16.7	4.4	3.6%	27.0%
PLX	Dầu khí	61.4	-0.2%	1.5	3,126	0.4	3,412	18.0	3.2	11.6%	18.2%
PVS	Dầu khí	21.8	-1.8%	1.7	453	2.1	2,433	9.0	0.9	24.5%	10.1%
BSR	Dầu khí	13.0	0.0%	0.8	1,752	0.7	1,163	11.2	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	106.6	-2.4%	0.5	606	0.1	4,199	25.4	4.6	54.2%	19.0%
DPM	Hóa chất	17.2	-1.2%	0.7	292	0.2	1,289	13.3	0.8	22.6%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.3	0.4%	0.7	191	0.1	978	8.5	0.7	2.7%	8.4%
VCB	Ngân hàng	69.2	2.8%	1.3	11,159	7.4	4,367	15.8	3.5	23.7%	24.5%
BID	Ngân hàng	32.2	2.1%	1.5	4,779	2.2	2,150	15.0	2.1	3.1%	14.5%
CTG	Ngân hàng	20.3	0.7%	1.6	3,286	2.5	1,481	13.7	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	18.6	2.2%	1.2	1,987	2.6	2,705	6.9	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	20.7	0.5%	1.2	1,902	1.4	2,994	6.9	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	28.7	0.3%	1.1	1,556	1.3	4,297	6.7	1.6	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	43.6	-0.9%	0.9	155	0.1	5,279	8.3	1.4	74.4%	17.0%
NTP	Nhựa	35.0	0.0%	0.3	136	0.0	4,066	8.6	1.3	21.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	19.2	-1.0%	1.2	751	0.0	732	26.2	1.4	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	-0.2%	1.0	2,755	2.1	2,956	7.8	1.5	39.3%	21.4%
HSG	Thép	7.8	0.6%	1.5	144	0.3	251	31.2	0.6	17.0%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	123.7	0.4%	0.7	9,366	3.6	5,349	23.1	7.6	59.2%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	273.0	-0.4%	0.8	7,612	0.2	6,479	42.1	10.8	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	84.2	-0.4%	1.2	4,258	0.9	4,545	18.5	3.2	40.6%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.2	0.3%	0.6	393	0.8	752	22.9	1.5	9.7%	6.1%
ACV	Vận tải	83.0	2.9%	0.8	7,856	1.2	2,630	31.6	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	121.7	0.1%	1.1	2,866	2.6	9,850	12.4	4.7	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	42.8	1.4%	1.7	2,636	1.0	1,747	24.5	3.3	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.0	-0.2%	0.8	335	0.2	2,245	11.6	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	16.3	-1.5%	0.7	199	0.1	2,387	6.8	1.2	32.7%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.5	-0.2%	0.9	419	0.3	6,806	9.0	3.3	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	0.2%	0.8	392	0.3	1,385	14.5	1.4	12.1%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	0.6%	0.8	263	0.0	1,744	9.1	1.1	6.3%	12.6%
CTD	Xây dựng	102.3	-1.9%	0.8	340	0.2	17,122	6.0	1.0	46.0%	16.9%
VCG	Xây dựng	26.5	0.4%	1.2	509	0.1	1,106	24.0	1.8	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	22.9	0.2%	0.5	246	0.1	337	67.9	1.1	53.5%	1.7%
POW	Điện	15.6	0.0%	0.6	1,588	0.4	820	19.0	1.5	14.8%	7.8%
NT2	Điện	26.7	0.6%	0.6	334	0.2	2,446	10.9	2.0	22.8%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	69.20	2.82	2.10	2.48MLN
BID	32.15	2.06	0.66	1.59MLN
VPB	18.60	2.20	0.29	3.21MLN
GAS	102.00	0.49	0.29	181500.00
VNM	123.70	0.41	0.26	665880.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.70	0.35	0.13	1.05MLN
API	24.60	7.89	0.02	200.00
NET	28.80	8.27	0.02	17800.00
VCR	26.70	7.66	0.02	324000.00
IDV	30.00	3.09	0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	273.00	-0.36	-0.19	13550.00
TPB	24.90	-1.97	-0.13	2.73MLN
MSN	84.20	-0.36	-0.10	248270.00
DHG	106.60	-2.38	-0.10	11740.00
VHM	79.90	-0.13	-0.10	482820.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.80	-1.80	-0.10	2.13MLN
SHS	11.60	-1.69	-0.03	851600.00
PVX	1.00	-9.09	-0.02	461000.00
CEO	11.70	-1.68	-0.02	143600.00
TNG	18.60	-2.11	-0.02	481800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTF	24.60	23.00	0.05	113440.00
AGM	9.79	6.99	0.00	4970.00
SCD	28.35	6.98	0.01	17860.00
CLW	17.75	6.93	0.00	70.00
DLG	1.55	6.90	0.01	4.16MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.60	20.00	0.00	67200.00
PTD	19.90	9.94	0.00	200.00
VNF	23.30	9.91	0.01	100.00
L61	20.10	9.84	0.01	100.00
C69	11.30	9.71	0.00	196900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCE	6.18	-14.64	-0.01	123340.00
VPD	15.40	-9.14	-0.05	9200.00
TCO	9.86	-6.98	0.00	40.00
SMA	16.00	-6.98	-0.01	130310.00
HLG	7.26	-6.92	-0.01	32820.00

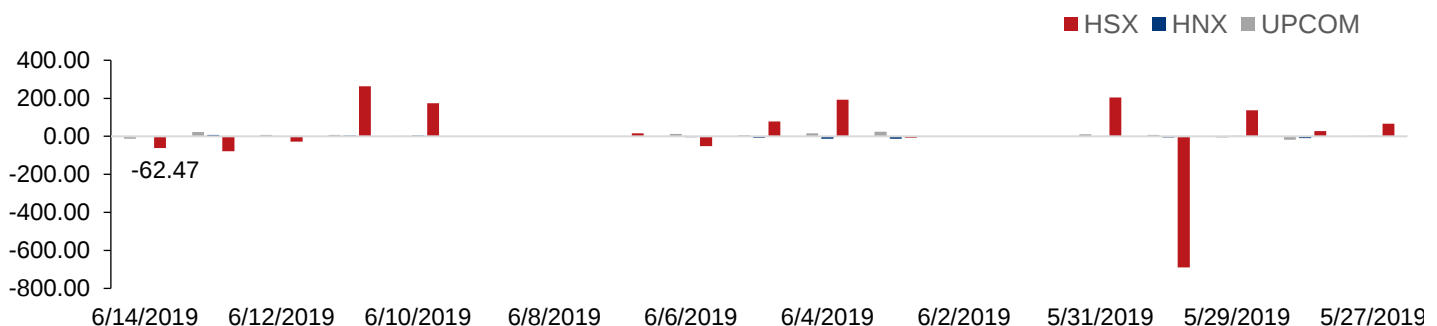
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ARM	46.80	-10.00	0.00	4200.00
GMX	22.70	-9.92	-0.01	600.00
HEV	10.40	-9.57	0.00	100.00
VTJ	5.70	-9.52	-0.01	100.00
FID	1.00	-9.09	0.00	16600.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
4	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
10	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

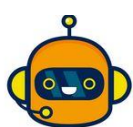
STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	18.3	3,364	5.4	1.2	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	102.3	17,122	6.0	1.0	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	28.1	5,748	4.9	1.4	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.3	2,387	6.8	1.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	28.7	4,297	6.7	1.6	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	21.2	2,430	8.7	1.4	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	26.0	2,245	11.6	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	17.2	752	22.9	1.5	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	56.0	4,852	11.5	2.8	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	84.2	4,545	18.5	3.2	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	21.4	2,862	7.5	1.1	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	32.0	6,952	4.6	1.9	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	15.9	1,744	9.1	1.1	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	36.0	2,459	14.6	1.2	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	15.9	2,807	5.6	1.2	Click	
16	FPT	Công nghệ	Mua	25/04/2019	48.6	59.1	44.4	4,061	10.9	2.3	Click	
17	BCC	Xi măng	Mua	16/05/2019	9.1	11.2	8.1	1,113	7.3	0.5	Click	
18	VHC	Thủy sản	Mua	14/05/2019	91.5	108.6	85.3	17,884	4.8	1.8	Click	
19	DRC	Cao su	Theo dõi	14/05/2019	22.3	25.2	19.3	1,154	16.7	1.5	Click	
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	08/05/2019	20.8	21.0	18.6	3,307	5.6	1.3	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2019Q2	16/5/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 108552; Giá tại Publish 91500, EPS 14193; PE 6.3. Giữ nguyên dự báo DT đạt mức 10,217 tỷ (+8% YoY) và LNST đạt 1,315 tỷ (-9.4% YoY) do do (1) Sản lượng tăng 10% (2) Giá bán giảm 5%. Biên LNG dự kiến đạt 19.8%. EPS dự phóng 2019 đạt 14,193 VND/cp.
Express TRA 2019Q2	23/5/2019	Nhà máy Traphaco Hưng Yên: (1) Vốn đầu tư: 500 tỷ (2) Năm hoàn thành: 2017 (3) Bao gồm 3 phân xưởng: Phân xưởng Thuốc nước: dây chuyền thuốc nước uống + dây chuyền thuốc nước dùng ngoài (Nước súc miệng TB): Công suất: 20 triệu đvsp/năm; Công nghệ: khâu pha chế (Việt Nam) + khâu đóng gói (Thái Lan + Trung Quốc). Phân xưởng Thuốc viên – mỡ: (1) Dây chuyền thuốc viên: công suất: 500 triệu đvsp/năm (2) Dây chuyền thuốc mỡ, cream: công suất: 20 triệu đvsp/năm (3) Công nghệ: khâu pha chế (Việt Nam) + khâu đóng gói (Đài Loan)
Express ANV 2019Q2	17/5/2019	Năm 2019, công ty đặt KH DT và LNST lần lượt là 5,000 tỷ (+21.4% YoY) và 700 tỷ (+15.8% YoY). Công ty dự kiến phát hành 30 triệu cổ phiếu vào năm 2020 để đầu tư vùng nuôi Bình Phú. Kết thúc năm 2018, ANV ghi nhận DT và LNST lần lượt đạt 4,118 tỷ (+40% YoY) và 604.2 tỷ (+320% YoY). Cơ cấu DT là: 84% cá tra fillet, 10% thức ăn thủy sản, 4.5% phụ phẩm. Cơ cấu thị trường xuất khẩu: Trung Quốc (20%), Brazil (17%), Thái Lan (14%), EU (13%), Colombia (10%), Mexico (9%).
Express PHR 2019Q2	16/5/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59800, EPS 4660; PE 10; PB 2.97. Kinh doanh mủ cao su: Sản lượng tiêu thụ quý 1/2019 là 6,649.12 tấn mủ thành phẩm (+86% yoy), giá bán bình quân 32 triệu đồng/tấn (-12% yoy). Doanh thu thành phẩm đạt 213.2 tỷ đồng (+11% yoy).



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Ngân hàng	1.23%	1.19%	-3.06%	-9.99%	-5.75%	-14.33%	54.78%	115.49%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.26%	-0.97%	-1.51%	-4.18%	-1.49%	-3.89%	51.15%	186.17%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.21%	-1.11%	-3.43%	-5.71%	1.43%	-1.89%	90.27%	160.36%
BĐS & Khu công nghiệp	0.18%	-0.48%	-0.34%	-5.92%	-3.13%	-3.00%	47.10%	115.85%
Dầu khí	-0.69%	-2.48%	-5.93%	-2.24%	2.59%	12.98%	12.18%	-4.18%
Chiến tranh thương mại	-0.78%	-1.12%	0.71%	-2.93%	2.54%	10.10%	27.23%	159.04%
* Note	Danh mục Ngân hàng hôm nay có mức tăng ấn tượng nhờ vào kỳ vọng của thị trường Fed sẽ đưa ra kế hoạch hạ lãi suất trong ngày 18-19 tháng này. Danh mục Chiến tranh thương mại đi ngược với xu hướng thị trường, tuy nhiên với việc Mỹ -Trung tiếp tục căng thẳng, các mã trong danh mục được kỳ vọng sẽ có mức tăng trưởng tốt.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 7	0.59%	0.01%	-1.94%	-5.72%	-1.04%	-0.77%	47.68%	143.02%
Danh mục 8	0.49%	0.06%	-0.69%	0.73%	4.15%	3.35%	55.93%	107.41%
Danh mục 16	0.41%	0.23%	-1.70%	-4.68%	-0.83%	-2.03%	72.22%	170.65%
Danh mục 18	-0.63%	-3.56%	-5.18%	-4.16%	6.15%	7.39%	116.45%	250.75%
Danh mục 12	-0.65%	-3.64%	-4.87%	-4.20%	6.47%	6.64%	126.30%	272.63%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 19	0.61%	-0.06%	-2.37%	-3.07%	2.55%	1.24%	53.56%	120.46%
Danh mục 24	0.52%	0.56%	-1.93%	-3.23%	1.35%	-1.20%	66.75%	196.98%
Danh mục 22	0.51%	0.88%	-1.65%	-5.09%	-1.88%	-7.48%	62.57%	169.57%
Danh mục 23	-0.35%	-2.14%	-2.54%	-5.70%	0.61%	0.93%	108.41%	210.07%
Danh mục 25	-0.75%	-1.07%	-0.92%	-1.85%	13.91%	20.70%	163.33%	249.73%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	0.37%	-0.49%	-2.26%	-5.03%	0.16%	-6.11%	52.47%	66.00%
VN30INDEX	0.23%	-0.91%	-3.53%	-7.06%	-6.22%	-14.20%	37.78%	39.49%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

